TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 8 - 2018
V/v: không công nhận là vợ chồng, về nuôi con và tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thanh
2. Bà Lê Thanh Xuân

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thành Đô – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Lan Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Dương Thanh H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng 9999.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 01, khu đô thị mới 02, huyện A, thành phố B.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh TĐ – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng 9999 – Chi nhánh huyện Châu

Thành A, là người đại diện theo ủy quyền "văn bản ủy quyền ngày 09/8/2018" (có mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 06/7/2018, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà với Dương Thanh H tiến đến hôn nhân năm 1993, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện Châu Thành, tỉnh cần Thơ cũ (nay là Ủy ban nhân dân xã LT, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang) nhưng bà không có giữ giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu thì vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông H thường hay uống rượu không quan tâm vợ con, bà đã nhiều lần khuyên răn và cho ông H nhiều cơ hội nhưng ông H không chịu thay đổi nên bà không còn tình cảm với ông H, không thể hàn gắn và đã sống ly thân khoảng 04 tháng nay, do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 03 con chung gồm cháu tên Dương Thị TD (nữ) sinh ngày 12/10/1994, Dương Thị TL (nữ) sinh ngày 18/01/2002, Dương Thị TV (nữ) sinh ngày 10/9/2011. Do cháu D đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết. Cháu L muốn sống với ông H bà cũng đồng ý để ông H được quyền nuôi dưỡng. Hiện cháu V đang chung sống với bà nên khi ly hôn bà yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu V, bà không cấp dưỡng nuôi cháu L cũng không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu V.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Có nợ Ngân hàng 9999 chi nhánh huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (gọi tắt là Ngân hàng) với số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm vốn là 112.500.000 đồng, nợ lãi là 1.500.000 đồng và nợ ông Nguyễn Văn Hường ở ấp Trường Thắng, xã Trường Long A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang số tiền 30.000.000 đồng. Đối với nợ Ngân hàng bà yêu cầu giải quyết bà và ông H cùng có trách nhiệm trả. Đối với nợ ông Hường, số nợ này lúc khó khăn bà tự mượn để sinh hoạt trong gia đình không có nói cho ông H biết nên bà đồng ý tự một mình trả khoản nợ này cho ông Hường.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Dương Thanh H trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian tiến tới hôn nhân, ông cũng không có giữ giấy chứng nhận kết hôn, vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, ông hứa sẽ bỏ nhậu dần và sẽ đứng ra trả nợ nếu bà L về chung sống cùng ông.

Về con chung: Thống nhất có 03 người con chung như bà L trình bày. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu nuôi dưỡng cháu L, ông đồng ý để bà L

nuôi dưỡng cháu V, ông không cấp dưỡng nuôi cháu V và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi cháu L.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Có nợ Ngân hàng như bà L trình bày là đúng và đồng ý cùng bà L chịu trách nhiệm trả nợ vốn, lãi cho Ngân hàng. Đối với số nợ ông Hường ông không biết gì nên không đồng ý cùng bà L trả.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng 9999 (gọi tắt là Ngân hàng) có người đại diện là ông Huỳnh TĐ trình bày: Ngày 16/3/2017 ông Dương Thanh H và bà Nguyễn Thị L có ký Hợp đồng tín dụng số: 7005-LAV-201703193 với Ngân hàng để vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích vay vốn để mua sắm vật dụng gia đình, sửa nhà, lãi suất cho vay 10.5%/năm và thả nổi theo biến động lãi suất của thị trường, thời hạn vay 60 tháng, trả nợ gốc 20 kỳ (03 tháng/lần), trả tiền lãi vay theo định kỳ 03 tháng/lần, trả nợ cuối cùng vào ngày 25/02/2022. Do vay tín chấp nhưng từ tháng 6/2018 đến nay ông H có Quyết định nghỉ việc nên không trả nợ gốc lãi cho Ngân hàng đúng hạn, đến ngày 17/7/2018 ông H mới nộp tiền nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ của ông H tại Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31/8/2018 thì ông H và bà L còn nợ Ngân hàng với số tiền gốc là 112.500.000 đồng, nợ lãi là 1.500.000 đồng. Do ông H bà L khi vi phạm thời hạn trả nợ theo hợp đồng nên Ngân hàng có yêu cầu khởi kiện độc lập buộc ông H bà L cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ trên và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số: 7005-LAV-201703193 ngày 16/3/2017 kể từ ngày 01/9/2018 đến khi bà L và ông H trả dứt nợ cho Ngân hàng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, nhận thấy hôn nhân giữa bà L và ông H khai có đăng ký kết hôn nhưng không có căn cứ chứng minh nên không đủ cơ sở xác định hôn nhân là hợp pháp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà L và ông H là vợ chồng; về con chung bà L và ông H thỏa thuận được với nhau nên đề nghị ghi nhận; về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về nợ chung có nợ Ngân hàng 9999 – Chi nhánh huyện Châu Thành A số tiền nợ gốc là 112.500.000 đồng, lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 31/8/2018 là 1.500.000 đồng, theo yêu cầu của Ngân hàng thì bà L và ông H đồng ý trả số nợ trên nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng. Đề nghị tách

phần nợ của ông Nguyễn Văn Hường với bà Nguyễn Thị L với ông Dương Thanh H ra giải quyết thành vụ án khác nếu sau này có phát sinh tranh chấp. Đề nghị buộc bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và buộc bà L ông H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị L với ông Dương Thanh H do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông H; Ngân hàng có yêu cầu độc lập để thu hồi khoản nợ vay nên theo quy định tại Điều 26, Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật.

[3] Xét về giải quyết nội vung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà L và ông H được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, bà L cho rằng có đăng ký kết hôn nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh là giấy chứng nhận kết hôn, qua kết quả trích lục của nơi bà L khai báo đăng ký kết hôn là Ủy ban nhân dân xã LT thì được kết quả trả lời "sau khi trích lục sổ bộ hộ tịch đăng ký kết hôn năm 1993 của xã Trường Long Tây, hiện tại bị thất lạc nên Ủy ban nhân dân xã không có cơ sở trích lục bản sao kết hôn theo yêu cầu" nên xét về nghĩa vụ chứng minh và chứng cứ thu thập được xem như bà L và ông H chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo luật định. Vì vậy khi giải quyết việc ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận bà L và ông H vợ chồng.

[3.2] Xét về con chung: Bà L và ông H khai thống nhất có 03 con chung gồm cháu tên Dương Thị TD (nữ) sinh ngày 12/10/1994, Dương Thị TL (nữ) sinh ngày 18/01/2002, Dương Thị TV (nữ) sinh ngày 10/9/2011. Do cháu D đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Đối với cháu L và cháu V bà L và ông H thỏa thuận giao cho bà L được quyền nuôi dưỡng cháu L và ông H được quyền nuôi dưỡng cháu V, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.4] Xét yêu cầu độc lập của Ngân hàng và giải quyết nợ chung: Ông H, bà L thống nhất có vay nợ và có vi phạm thời hạn trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng đối với Ngân hàng 9999 chi nhánh huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang và thống nhất khoảng nợ vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31/8/2018 số tiền gốc còn lại là 112.500.000 đồng, nợ lãi là 1.500.000 đồng. Ông H và bà L đồng ý có nghĩa vụ cùng trả số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng và tiếp tục tính lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số: 7005-LAV-201703193 ngày 16/3/2017 kể từ ngày 01/9/2018 đến khi bà L và ông H trả dứt nợ cho Ngân hàng nên yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

[3.5] Đối với khoản nợ bà L khai tại phiên tòa có nợ ông Nguyễn Văn Hường 30.000.000 đồng, do quá trình tố tụng các đương sự không có khai khoản nợ này. Và Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải xong nên theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì cần thiết tách phần nợ ông Hường mà bà L khai tại phiên tòa ra giải quyết thành vụ án khác nếu sau này có phát sinh tranh chấp.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4.2] Án phí dân sự sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị L và ông Dương Thanh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015, Các Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L; chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng 9999.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Dương Thanh H là vợ chồng.

1.1. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị L với ông Dương Thanh H là bà Nguyễn Thị L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Dương Thị TV (nữ) sinh ngày 10/9/2011; ông Dương Thanh H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Dương Thị TL (nữ) sinh ngày 18/01/2002, bà L và ông H

không ai phải cấp dưỡng nuôi con; bà Nguyễn Thị L và ông Dương Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.2. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác theo quy định pháp luật.

1.3. Về nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L và ông Dương Thanh H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng 9999 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31/8/2018 nợ gốc là 112.500.000 đồng (một trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), nợ lãi là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) và tiếp tục tính lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số: 7005-LAV-201703193 ngày 16/3/2017 kể từ ngày 01/9/2018 đến khi bà L và ông H trả dứt nợ cho Ngân hàng 9999.

1.4. Tách quan hệ dân sự về nợ vay 30.000.000 đồng giữa ông Nguyễn Văn Hường với bà Nguyễn Thị L, ông Dương Thanh H ra giải quyết thành vụ án khác nếu sau này có phát sinh tranh chấp.

2. Về án phí :

2.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai số 0014812 ngày 06/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà L đã nộp xong).

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Dương Thanh H phải chịu là 5.700.000 đồng (năm triệu bảy trăm nghìn đồng).

2.3. Ngân hàng 9999 chi nhánh huyện Châu Thành A được nhận lại số tiền 2.824.000 đồng (hai triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 0014894 ngày 09/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Minh Tâm